

Vai trò của phát triển giáo dục đôi với sự tăng trưởng kinh tế của Singapore giai đoạn 1961-1979

Nguyễn Thị Thu Hương^(*)

Tóm tắt: *Giáo dục trở thành tâm điểm chú ý đối với các nhà kinh tế học khi nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế kể từ khi mô hình tăng trưởng Solow - Swan được giới thiệu (năm 1956). Lần đầu tiên, yếu tố về lao động được đưa vào giải thích sự tăng trưởng kinh tế trong dài hạn bên cạnh những yếu tố như năng suất, tích lũy vốn và tiến bộ công nghệ. Tiếp đó, sự thành công của Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Hong Kong... - những quốc gia và vùng lãnh thổ nghèo tài nguyên, coi trọng phát triển giáo dục, con người - càng thu hút sự chú ý mạnh mẽ của cộng đồng thế giới. Giai đoạn 1961-1979 được xem là giai đoạn quan trọng, đặt nền tảng để Singapore vượt qua những khó khăn ban đầu, tiến hành xây dựng và phát triển kinh tế đất nước trở thành một nền kinh tế mở, năng động vào loại bậc nhất thế giới, trung tâm tài chính thứ tư^(**) của thế giới sau New York, London và Tokyo. Nội dung bài viết xem xét mối quan hệ giữa giáo dục với tăng trưởng kinh tế tại Singapore giai đoạn 1961-1979, từ khi Singapore bắt đầu tiến hành công nghiệp hóa đất nước cho tới khi được OECD xếp vào hàng ngũ các nước NIC, nhằm làm sáng rõ vai trò của giáo dục đối với sự tăng trưởng kinh tế của Singapore trong không chỉ giai đoạn đó mà còn cho tới nay.*

Từ khóa: Giáo dục, Kinh tế, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, NICs, Singapore, Lý Quang Diệu, PAP

1. Giáo dục gắn liền với chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Một đất nước muốn thành công chỉ có thể dựa vào chính nội lực bản thân quốc gia đó, trong đó nguồn nhân lực

chính là nhân tố nội lực quan trọng nhất trong việc thúc đẩy sự phát triển. Bởi xét đến cùng thì tài nguyên sức người là yếu tố quan trọng nhất và cũng là yếu tố quyết định nhất quyết định tốc độ phát

^(*) ThS., Khoa Đông Phương học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: huong82dph@gmail.com

^(**) Tổng hợp kết quả nghiên cứu, GS.TS. Trần Thị Vinh vinh danh Singapore là “con đại bàng

tài chính phương Đông”. Quốc đảo này là trung tâm dịch vụ, thương mại của hầu hết các công ty đa quốc gia trên thế giới, đồng thời là thị trường trao đổi ngoại tệ bậc nhất toàn cầu với lượng ngoại tệ trao đổi mỗi ngày lên đến hơn 100 tỷ USD.

triển kinh tế - xã hội của quốc gia đó. Kỹ năng của lực lượng lao động và chất lượng cơ sở hạ tầng của một quốc gia là yếu tố quyết định tạo sức thu hút của quốc gia đó trong nền kinh tế thế giới.

Sau khi giành độc lập, Chính phủ Singapore đã nhận thức sâu sắc rằng, ngoài tiềm năng con người và vị trí địa lý tự nhiên trời cho, Singapore không có một nguồn tài nguyên thiên nhiên nào khác^(*). Để có thể tiếp tục tồn tại, Singapore không có con đường nào khác là đầu tư vào nguồn vốn con người thông qua giáo dục, đào tạo. Chủ trương này đã được cựu Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu (Lee Kuan Yew) khẳng định trong bài phát biểu nhân kỷ niệm Ngày độc lập năm 1967: “...Về lâu dài, giáo dục làm nên chất lượng của thế hệ trẻ, điều sẽ quyết định tương lai của chúng ta. Và chúng ta phải đầu tư vào giáo dục nhiều hơn bất kỳ ngành nào khác... Trường học sẽ đào tạo học sinh, sân chơi sẽ giúp chúng khỏe mạnh và cường tráng. Nhưng quan trọng hơn, trường học dạy cho học sinh những tiêu chuẩn cao về hành vi cá nhân, những chuẩn mực tốt và xấu, đúng và sai của xã hội. Nếu không có những giá trị này, một thế hệ biết chữ có thể nguy hiểm hơn một thế hệ hoàn toàn thất học...” (Minister for Education’s Message to Students on Mr. Lý Quang Diệu (1923-2015), <http://www.moe.gov.sg/media/speech...>). Mặt khác, giáo dục và đào tạo cũng là động lực chủ yếu mà thông qua đó mỗi cá nhân có cơ hội phát triển ngang nhau, tạo ra sự phát triển công bằng.

^(*) Mặc dù Singapore không có tài nguyên thiên nhiên phong phú, song vị trí địa lý chiến lược ở ngã tư châu Á mang lại cho quốc đảo này những tiềm năng “tài nguyên” vô cùng phong phú và nhiều ưu thế phát triển.

Cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu từng tuyên bố: “*Nếu thắng trong cuộc đua giáo dục sẽ thắng trong cuộc đua kinh tế*”, tức là nếu giáo dục được đầu tư phát triển, đào tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ góp phần đưa đất nước tới thành công. Qua đó có thể nhận thấy tư tưởng chỉ đạo “*nhân tài lập nước*”^(*) của Singapore là đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển. Điều này cũng lý giải tại sao trong những năm 1960-1970, Singapore có mức đầu tư cho giáo dục vào loại cao nhất ở châu Á. Bình quân hàng năm chi phí cho giáo dục chiếm khoảng 20% tổng ngân sách quốc gia (Harry T. Oshama, 1990, tr.170). Nhà nước tăng trợ cấp cho công tác đào tạo với nỗ lực đem lại một nền giáo dục phổ cập, mở ra nhiều trường dạy nghề, mở ra cơ hội lớn lao cho tất cả người dân hiện thực hóa tiềm năng của mình bất kể tình trạng thu nhập thấp kém của cha mẹ.

Bảng: Chi phí dành cho giáo dục hàng năm 1959-1967^()**

Năm	Chi tiêu dành cho giáo dục (SGD)	Tỷ lệ % trong tổng chi tiêu quốc gia
1959	60.080.000	23,6
1960	57.100.000	23,5
1961	65.841.000	17,1
1962	82.307.000	23,4
1963	94.644.000	15,8

^(*) Muốn xây một ngôi nhà bề thế sang trọng và bền vững ắt phải có một nền móng vững chắc. Cựu Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu tin rằng, nếu lực lượng lao động của Singapore hay những vị trí cốt yếu trong cơ quan chính phủ là những nhân tài thì cho dù bất cứ chính sách phát triển nào cũng có thể hoàn thành với kết quả vĩ đại. Trên nền tảng đó, Singapore sẽ nhanh chóng “hóa rồng” và là “một con rồng thực” chứ không chỉ là hiện tượng.

^(**) Xem: Goh Chor Boon, S. Gopinathan (2006), p.13.

1964	103.806.000	31,7
1965	112.806.000	28,8
1966	124.076.000	23,4
1967	135.051.000	22,8

Để con người trở thành động lực phát triển, điều quan trọng là đặt mỗi người vào đúng vị trí của họ, rồi giải phóng và định hướng họ để họ có thể lao động và sáng tạo theo đúng khả năng và sở trường. Xuất phát từ nhận định như vậy, song song với chính sách phát triển quốc dân giai đoạn 1961-1964, Chính phủ Singapore đã triển khai Kế hoạch 5 năm (1961-1965) nhằm thúc đẩy các tiêu chuẩn giáo dục cho người dân. Trên cơ sở của hệ thống giáo dục chính quy theo mô hình của nước Anh được áp dụng từ năm 1868^(*), Chính phủ Singapore đã tiếp tục triển khai nhiều chính sách, biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Các ưu tiên tại thời điểm này là cung cấp miễn phí giáo dục tiểu học toàn cầu với ba đặc điểm chính: *thứ nhất*, đối xử công bằng đối với cả bốn nhóm giáo dục là tiếng Mã Lai, tiếng Hoa, tiếng Tamil và tiếng Anh; *thứ hai*, thiết lập tiếng Mã Lai là ngôn ngữ quốc gia; *thứ ba*, nhấn mạnh vào việc nghiên cứu toán học, khoa học và

(*) Những di sản của người Anh trong thời gian dài thuộc địa như cơ cấu chính trị, luật pháp, ngôn ngữ, kinh nghiệm buôn bán thương mại... trở thành một trong những yếu tố tích cực đối với sự phát triển của Singapore. Dưới sự cai trị của thực dân Anh, Singapore đã nhanh chóng phát triển thành đô thị thương điểm, hải cảng, từ đó tạo nên sự cấp thiết phát triển các trường dạy học. Hệ thống giáo dục chính quy theo mô hình nước Anh được áp dụng từ năm 1868, những người tốt nghiệp được gửi sang học tiếp tại các trường đại học nổi tiếng như Cambridge và Oxford. Bản thân cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu và nhiều quan chức trong Chính phủ Singapore cũng từng tốt nghiệp đại học tại Anh.

kỹ thuật. Triết lý đằng sau những mục tiêu đã được nêu rõ là “duy trì cơ hội bình đẳng cho mọi công dân, thiết lập sự hợp nhất trong đa dạng và một chương trình đào tạo cho thế hệ mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hiện đại, công nghiệp và công nghệ của xã hội tương lai” (Ministry of Education, 1966). Chính phủ đã triển khai nhiều chính sách hữu dụng như chính sách song ngữ (bắt buộc sử dụng tiếng Anh xuyên suốt trong đào tạo các bậc học, xây dựng các giáo trình song ngữ,...), giáo dục hướng nghiệp...

- *Đào tạo tiếng Anh xuyên suốt các bậc học*

Singapore là một quốc gia trẻ, đa dân tộc, được hình thành trên nền tảng dân nhập cư từ Trung Hoa, Malaysia, Ấn Độ, Sri Lanka và châu Âu (Anh, Đức, Mỹ...)^(*), vào năm 1960 chỉ có khoảng 1,6 triệu người (Tham khảo: <http://populationpyramid.net/singapore...>). Các nhóm cộng đồng dân tộc nơi đây vẫn giữ được nét đặc trưng của nền văn hóa và tiếng mẹ đẻ của mình. Tương ứng với các cộng đồng sắc tộc sống trên đảo quốc này, Singapore cũng chính là một nước đa tôn giáo (Phật giáo, Đạo giáo, Hồi giáo, Cơ đốc giáo, Hindu giáo, Sikh giáo...). Các cộng đồng dân cư sống xen kẽ trên một diện tích nhỏ hẹp, thống nhất về lãnh thổ tạo thuận lợi cho sự quản lý của Nhà nước, song dường như khó tránh khỏi những bất đồng, xung đột sắc tộc, tôn giáo. Nhận thức rõ đặc thù về nhân chủng, văn hóa như vậy, Chính phủ dưới thời của Cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu đã đưa ra phương án chính sách song ngữ nhằm mục đích biến tiếng

(*) Singapore thời điểm khi mới được Stamford Raffles phát hiện năm 1819 chỉ có khoảng 150 người dân sống rải rác dọc bờ sông.

Anh thành ngôn ngữ chung để làm cầu nối cho mọi công dân có nguồn gốc chủng tộc khác nhau.

Từ năm 1966, Chính phủ quy định tất cả học sinh ở cấp tiểu học buộc phải học song ngữ (tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ). Đó là bước ngoặt quan trọng không những tạo dựng bản sắc dân tộc quốc gia Singapore, là chìa khóa để mở cửa vào thế giới phương Tây mà còn tạo ra sự bình đẳng, cơ hội tìm kiếm việc làm. Việc lựa chọn ngôn ngữ phổ thông là tiếng Anh, chứ không phải tiếng Hoa (dân số Singapore đa số là gốc Hoa, chiếm 75%), đã xua đi sự hoài nghi của các nước láng giềng nhìn Singapore như là một nước Trung Hoa thứ ba (ngoài Trung Quốc Đại lục và Đài Loan) (Dẫn theo: Phạm Đức Thành, 2001, tr.148)^(*). Chủ trương của Đảng PAP^(**) và cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu là dùng tiếng Anh như một ngôn ngữ cho thương mại và kỹ thuật, hay nói cách khác là dùng tiếng Anh như một công cụ kinh tế. Cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu cho rằng tiếng Anh là phương tiện quan trọng nhất, nhanh nhất để tiếp cận văn hóa, công nghệ của thế giới. Học tập và sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp thường ngày sẽ giúp chất lọc những tinh hoa nhân loại để hòa chung vào công cuộc phát triển của đất nước. Chính phủ dưới thời cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu cho rằng, chỉ bằng tiếng Anh thì các sinh viên sau khi ra trường mới có thể nắm bắt được các kiến thức của thế giới và làm được việc. Điều này xuất phát từ

thực tế là những học sinh tốt nghiệp trường Anh ngữ dễ tìm việc làm hơn và có mức lương cao hơn so với các học sinh tốt nghiệp trường Hoa hay trường Mã Lai hoặc trường Tamil.

Từ sau những năm 1950, ngày càng có nhiều phụ huynh gửi con em tới các trường học đào tạo bằng Anh ngữ, từ chỉ 49% học sinh đăng ký học ở hệ thống trường này năm 1960, đã tăng lên tới 66% năm 1970 và 91% năm 1979 (Goh Chor Boon, S. Gopinathan, 2006, p.106). Nguyên nhân của trào lưu này xuất phát từ vấn đề kinh tế. Kinh tế Singapore đã gắn chặt chẽ với thế giới bên ngoài, đặc biệt là với các quốc gia phát triển, nơi mà ngôn ngữ quốc tế sử dụng trong buôn bán, thương mại là tiếng Anh. Hơn nữa, tất cả tập đoàn đa quốc gia ở Singapore - nơi các nhân viên luôn được chào đón - đều sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh. Có thể nói rằng, sau khi được truyền bá và rồi trở thành ngôn ngữ độc tôn trong tất cả mọi lĩnh vực, tiếng Anh đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi và thu hút các nguồn đầu tư vào Singapore, đồng thời giúp nước này ở vị trí thuận lợi hơn trong quá trình toàn cầu hóa.

- Giáo dục hướng nghiệp

Đầu những năm 1960, Chính phủ tiến hành sáp nhập các trường của từng nhóm cộng đồng dân tộc lại và thực hiện thống nhất chương trình giảng dạy trong cả nước. Trong khoảng thời gian 1960-1965, số trẻ đăng ký vào học ở cấp 2 đã tăng gấp đôi, đây được xem là lực lượng dự bị lao động trong lĩnh vực toán học và khoa học cơ bản.

Từ năm 1968 trở đi, tất cả học sinh nam và một nửa học sinh nữ ở cấp trung học lớp dưới bắt buộc học thêm các môn

(*) Theo thống kê từ đầu những năm 1980, 90% trong số những người được phỏng vấn trả lời muốn tự gọi mình là người Singapore với một bản sắc dân tộc mới.

(**) PAP (People Action Party) - Đảng Nhân dân hành động nắm quyền ở Singapore từ khi nước này được thành lập cho đến nay.

khoa học và kỹ thuật thường thức. Tất cả các học sinh ở cấp trung học lớp trên bắt đầu được đào tạo hướng nghiệp. Trong giáo dục và đào tạo, Chính phủ rất coi trọng giáo dục pháp luật, chú trọng đến các môn khoa học tự nhiên, khoa học ứng dụng, khoa học quản lý kinh tế và nghiệp vụ kinh doanh.

Bảng: Số học sinh nhập học tiểu học và trung học^(*)

Năm	Tiểu học (học sinh)	Trung học (học sinh)
1959	272.254	48.723
1960	290.576	59.314
1961	307.981	67.857
1962	324.697	72.308
1963	341.620	84.425
1964	353.622	99.592
1965	362.672	114.736
1966	370.899	132.088
1967	373.437	144.448
1972	354.936	161.371

Với chính sách giáo dục đề cao tính thực tiễn, học sinh sẽ được tạo điều kiện để tối luyện kiến thức, biến lý thuyết thành thực tiễn hành động; có cơ hội hấp thụ một cách nhanh chóng những cái mới của thế giới do nền giáo dục thực tiễn Singapore đã tiếp cận với thế giới ngay từ những năm tiểu học và trung học.

2. Phát triển giáo dục gắn liền với chính sách công nghiệp

Vào cuối những năm 1960, Chính phủ bắt đầu điều hành hệ thống giáo dục trên cơ sở quản lý kinh tế nhằm mục đích tối ưu hóa sự tăng trưởng kinh tế trung hạn với hai mục tiêu song song

là đào tạo những thợ thủ công lành nghề và kỹ thuật viên bậc cao - lực lượng thiết yếu cho quá trình phát triển công nghiệp. Chính phủ Singapore sớm có chủ trương gắn liền giáo dục - đào tạo với chính sách công nghiệp. Các nhu cầu được xác định thông qua quá trình phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan khu vực công quan trọng (chẳng hạn như EDB - Ủy ban Phát triển kinh tế, trực thuộc Bộ Thương mại và Đầu tư Singapore, được thành lập năm 1961) có liên quan trong quá trình lập kế hoạch và hoạch định chính sách.

Với tốc độ phát triển ngày càng tăng của công nghiệp hóa, năm 1964, các trung tâm dạy nghề đầu tiên được thành lập trong hệ thống trường học. Cùng với xu hướng này, chương trình đào tạo nghề đã được chuyển giao từ Bộ Lao động cho Sở Giáo dục kỹ thuật (TED - Technical Education Department - thành lập tháng 6/1968, thuộc Bộ Giáo dục). Theo đó, các học sinh phải học thêm các môn khoa học và kỹ thuật thường thức trong hai năm đầu tiên. Trong một tuần, tất cả học sinh nam và một nửa số học sinh nữ trung học buộc phải tham gia một buổi thực hành ở xưởng ngoài giờ học bình thường. Số nữ sinh còn lại phải tham gia khóa học kinh tế gia đình. Những thay đổi này đã được thiết kế để cho phép học sinh không chỉ biết được con chữ, khả năng làm toán và đối diện với các khái niệm mà còn được hướng dẫn ở xưởng. Năm 1972, đã có 9 viện dạy nghề được thành lập và số sinh viên tốt nghiệp hàng năm tăng hơn mười lần, từ 324 sinh viên (năm 1968) lên tới hơn 4.000 sinh viên (Law Song Seng, 1996, p.10).

Đến năm 1973, TED đã phát triển được một cơ sở hạ tầng đào tạo sẵn sàng

^(*) Xem: Goh Chor Boon, S. Gopinathan (2006), p.12.

cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Đây được coi là bước cần thiết để thiết lập một cơ quan độc lập tốt hơn nhằm đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp đang phát triển nhanh chóng. Kết quả là Ban Đào tạo công nghiệp (ITB - the Industrial Training Board) được thành lập vào năm 1973. Ban này có nhiệm vụ điều phối và tăng cường đào tạo nhân lực phục vụ cho các ngành công nghiệp. Việc thành lập ITB là mốc đánh dấu sự ra đời một hệ thống đào tạo nghề bên ngoài hệ thống trường học tại Singapore.

Trước nhu cầu tuyển dụng các công nhân lành nghề để điều hành các hoạt động dây chuyền phức tạp và ngành công nghiệp chính xác tại các nhà máy, Chính phủ cũng đã chú trọng tới công tác đào tạo tại chức. Các công ty đa quốc gia (MNCs) phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công đoàn để tổ chức các chương trình đào tạo đáp ứng những nhu cầu công việc cho công nhân, trong đó quy định bắt buộc những công nhân có năng lực kỹ thuật cũng phải tham dự khóa học trên cơ sở tự do lựa chọn một trong các khóa học đó. Chính quyền đã cung cấp những lợi ích về mặt tài chính cho các công ty đa quốc gia để họ tham dự vào các trung tâm đào tạo kỹ thuật, tạo cơ hội cho các nhân viên thụ hưởng những khóa học đào tạo kỹ thuật từ những tập đoàn hàng đầu thế giới.

Song song với chương trình học tập chính quy tại nhà trường, chính sách giáo dục của Singapore cũng hướng tới việc đào tạo bổ túc cho các đối tượng lao động. Các chương trình đào tạo được áp dụng trên nhiều đối tượng dân chúng. Hội đồng Giáo dục dành cho người lớn (AEB - the Adult Education Board) được thành lập từ năm 1958 nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục của công nhân sau một

thời gian hoạt động cũng đã tiến hành cải cách chương trình hoạt động. Các AEB bắt đầu tập trung hơn vào các chương trình định hướng nghề nghiệp để bổ sung cho đào tạo nghề và công nghiệp. Năm 1979, để hợp lý hóa các chức năng và các nguồn lực một cách hiệu quả hơn, hai hội đồng AEB và ITB được sáp nhập thành Ban Đào tạo công nghiệp và nghề nghiệp (VITB - Vocational and Industrial Training Board)^(*). VITB tập trung vào việc tiếp tục mở rộng hệ thống đào tạo, phát triển chương trình mới dành cho những học sinh sau khi rời trường và người lao động, nâng cao hơn chất lượng môi trường đào tạo.

Đa dạng hóa chủ thể đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo không chỉ góp phần phát triển giáo dục mà còn giúp Chính phủ Singapore tiết kiệm ngân sách, tập trung cho phát triển kinh tế.

3. Giáo dục chủ nghĩa đoàn kết quốc gia dân tộc

Ngoài việc giáo dục kiến thức khoa học, kỹ thuật và pháp luật, Chính phủ Singapore luôn chủ trương giáo dục văn hóa truyền thống và tinh thần đoàn kết dân tộc quốc gia. Đây là một trong những mắt xích cơ bản của chiến lược phát triển nguồn nhân lực mà Chính phủ Singapore đã và đang theo đuổi^(*).

Đảng PAP đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, lãnh đạo với quan niệm giá trị: *Quốc gia tối thượng; xã hội trước hết; gia đình là nền tảng; xã hội là gốc rễ; quan tâm xã hội; tôn trọng cá nhân; bàn bạc đồng thuận; tránh va chạm; khoan dung sắc tộc; tôn giáo hòa hợp nhau.* Thông qua các hoạt động giáo dục cộng

^(*) Tham khảo thông tin từ trang web của Bộ Giáo dục Singapore.

^(*) Tổng hợp từ: *Government and politics of Singapore*, Revised Edition, Oxford University Press, Singapore, 1987, p.54-66.

đồng và văn hóa nghệ thuật, Singapore đã nỗ lực giữ gìn tính nhất trí xã hội (tính tập thể) và giữ gìn mức độ tự do nhất định của cá tính (tính cá nhân); đường lối này có tính bao dung và tính linh hoạt rất lớn, do đó được đông đảo người dân ủng hộ và có hiệu quả rõ rệt. Chính phủ luôn chủ động nhìn nhận và linh hoạt trong triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm xóa bỏ hàng rào ngăn cách và sự xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo nơi đây. Nói cách khác, chính sách đoàn kết dân tộc đa nguyên nhất thể hóa đúng đắn được Chính phủ Singapore theo đuổi trong suốt chiều dài lịch sử đã góp phần tạo nên tính đa dạng trong thống nhất ở cộng đồng người dân Singapore, với mục tiêu tất cả mọi người không quên nguồn gốc của mình, tôn thờ những giá trị văn hóa lâu đời của dân tộc, nhưng đồng thời cũng ý thức rằng họ có một Tổ quốc chung là Singapore hài hòa và phát triển. Về điều này, cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu từng khẳng định: “*...Tiếng Anh là một ngôn ngữ chúng ta học và sử dụng. Nhưng chúng ta phải giữ lại được phần văn hóa của chính mình - phần mà dẫn chúng ta trở lại với lịch sử, với nền văn hóa, với nền văn minh của chúng ta...*” (Lee Kuan Yew, 2012, p.32).

Và trong Lễ kỷ niệm 300 năm ngày sinh của Guru Gobind Singh - nhà thơ và triết gia Ấn Độ, Lý Quang Diệu đã khẳng định rằng: “*...những người bạn của tôi có thể tổ chức lễ mừng sinh nhật Không Tử. Các bạn có thể kỷ niệm 300 năm ngày sinh Suru Gobind Singh. Nhưng tôi muốn nói với bạn một điều chung giữa chúng ta, đó là chúng ta đều đang tổ chức ở Singapore... Môi trường cộng tồn này mang lại cho chúng ta khả năng tồn tại với suy nghĩ muốn tiếp tục*

sống và trở thành một dân tộc...” (Lee Kuan Yew, 2012, p.8). Điều đó có nghĩa là, cần phải trên cơ sở tinh thần yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc thì cả Chính phủ và nhân dân Singapore mới có thể đồng lòng hướng tới mục tiêu phát triển chung của quốc gia. Nói cách khác, hòa hợp dân tộc và ổn định xã hội cũng chính là điều kiện cần thiết để tăng trưởng kinh tế.

4. Một số nhận xét

Cùng với sự phát triển và đầu tư cho giáo dục ở Singapore, kinh tế nước này đã tăng trưởng vượt bậc. Giai đoạn 1963-1979, kinh tế Singapore tăng trưởng trung bình 9,9%/năm (Tan K. Y, 1995, p.55-75). Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và tạo sự tăng trưởng kinh tế ở Singapore. Điều này thể hiện qua các luận điểm sau:

Thứ nhất, xã hội hóa giáo dục ở Singapore là chính sách đúng đắn và hợp lý. Việc mở rộng mạng lưới đào tạo, gia tăng nhiều loại hình đào tạo góp phần làm giảm gánh nặng cho ngân sách quốc gia và xây dựng môi trường rèn luyện nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho người học. Chính sách giáo dục - đào tạo ở Singapore cũng đã “thiết lập được nền tảng phù hợp” cho tăng trưởng, bao gồm tích lũy vốn nhân lực thông qua phổ cập giáo dục tiểu học và trung học, trong khi giáo dục đại học ngày càng được mở rộng vượt ra ngoài phạm vi quốc gia.

Thứ hai, phát triển kinh tế gắn liền với chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực có tri thức và tay nghề đã trở thành vốn nhân lực đóng góp vào quá trình triển khai chiến lược phát triển quốc gia. Chương trình giáo dục -

đào tạo của Singapore cho thấy, nước này luôn chú trọng tới sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống với hiện đại. Chính sách giáo dục bằng song ngữ (tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh), giáo dục hướng nghiệp và giáo dục chủ nghĩa đoàn kết quốc gia dân tộc qua hơn ba thập kỷ qua đã mài mòn hàng rào ngăn cách dân tộc về ngôn ngữ, lối sống và nghề nghiệp, hình thành bản sắc quốc gia - dân tộc Singapore. Việc sử dụng tiếng Anh, ngoài sự thể hiện lập trường quốc gia độc lập, còn giúp cho Singapore thuận lợi trong việc tiếp cận trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ và văn minh của nhân loại. Qua đó, cũng giúp cho người dân Singapore có thể đi đến bất cứ nơi nào trên thế giới để tìm kiếm việc làm, tiếp thu tinh hoa nhân loại, mang lại nguồn ngoại tệ cho quốc gia.

Thứ ba, phát triển giáo dục gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế. Kinh nghiệm phát triển kinh tế thập niên 1960 của Singapore cho thấy, đào tạo và sử dụng nhân tố con người sẽ có tác dụng rất lớn nếu nó được gắn chặt với một chiến lược phát triển kinh tế đúng đắn. Ngoài việc thành lập các trung tâm dạy nghề trong hệ thống trường học, các trung tâm đào tạo năng lực chuyên môn và các trung tâm nghiên cứu ứng dụng từ cấp nhà nước đến các ngành và công ty, Chính phủ Singapore cũng đã đưa ra một số chương trình đào tạo với sự hợp tác của các công ty đa quốc gia nhằm sử dụng khả năng chuyên môn và hiểu biết của họ về những xu hướng phát triển của kỹ thuật. Nhờ đó mà nước này đã cung cấp được nguồn lao động cần thiết cho phát triển công nghiệp giai đoạn 1961-1979.

Tóm lại, trong điều kiện phát triển không tài nguyên thiên nhiên, những nỗ

lực của Chính phủ và người dân Singapore trong phát triển giáo dục đã góp phần tạo nên một lực lượng lao động có tri thức căn bản, có kỹ năng làm việc và hơn hết là sự đoàn kết vì sự phát triển của đất nước. Đây chính là tiền đề để Singapore chuyển bước sang giai đoạn phát triển chiều sâu, chú trọng đến chất lượng vào đầu những năm 1980. Nói cách khác, cùng với sự trợ giúp đắc lực của giáo dục trong chính sách phát triển nguồn nhân lực, Singapore đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong giai đoạn 1961-1979 - được ví như là giai đoạn đặt nền tảng quan trọng, giai đoạn “cất cánh” cho quá trình “hóa rồng” của Singapore ở những thập niên tiếp theo □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Goh Chor Boon, S. Gopinathan (2006), *The Development of Education in Singapore since 1965*, National Institute of Education, Nanyang Technological University, Singapore.
2. *Government and politics of Singapore*, Revised Edition, Oxford University Press, Singapore, 1987.
3. Harry T. Oshama (1990), *Tăng trưởng kinh tế ở châu á gió mùa*, Tập 2, (sách dịch), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Law Song Seng (1996), *Singapore dynamics and challenges of a vocational training system - the Singapore experience*, Institute of Technical Education.
5. Lee Kuan Yew (2012), *The papers of Lee Kuan Yew: Speeches, interviews and dialogues*, Volume 4, Cengage Learning Asia Pte Ltd.

(xem tiếp trang 27)